

Số: /2025/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về chính sách đối với quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số .../TTr-STNMT ngàytháng..... năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về chính sách đối với quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi lâm phần theo quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Trung tâm PVHCC;
- LĐVP, P.KT, TH, NC, KGVX;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ (bao gồm hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử) để xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
- Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả gồm: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
- Cơ quan giải quyết thủ tục đất đai gồm: Cơ quan có chức năng quản lý đất đai; Tổ chức đăng ký đất đai; Cơ quan Thuế.
- Cơ quan phối hợp gồm: Cơ quan Tài chính; Kho bạc Nhà nước; Các Ngân hàng được uỷ nhiệm thu trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan và người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 3. Nguyên tắc luân chuyển hồ sơ

- Đảm bảo thực hiện theo quy định hiện hành về thời gian thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan có liên quan trong việc xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.
- Việc luân chuyển hồ sơ phải thực hiện thường xuyên, thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được pháp luật quy định cho từng ngành.
- Dựa trên nguyên tắc sử dụng chữ ký số trong quá trình trao đổi thông tin giữa các bên. Dữ liệu trao đổi thông tin gắn chữ ký số có tính pháp lý tương đương như con dấu và chữ ký của các bên trong quá trình thực hiện. Khi thay

đổi chữ ký số, bên thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan.

4. Khi phối hợp xác định nghĩa vụ tài chính có những nội dung phức tạp, các cơ quan có liên quan phải có văn bản phản hồi thông tin hoặc trả hồ sơ. Những vướng mắc phát sinh trong triển khai phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết kịp thời; trường hợp không thống nhất hướng giải quyết thì báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên để xem xét, quyết định.

Điều 4. Hình thức luân chuyển

Việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính được thực hiện bằng hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử. Trong thời gian hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ, hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin giữa Cơ quan Thuế và Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai, tùy theo điều kiện thực tế về hạ tầng công nghệ thông tin tại các địa phương để triển khai việc chuyển hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử (trong đó ưu tiên áp dụng hình thức luân chuyển bằng hồ sơ điện tử). Khi hạ tầng kỹ thuật công nghệ, hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đã đồng bộ, đáp ứng việc trao đổi thông tin thì thực hiện luân chuyển bằng hồ sơ điện tử.

Chương II

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Mục 1

THÀNH PHẦN HỒ SƠ, HÌNH THỨC LUÂN CHUYỂN, XỬ LÝ SAI SÓT VÀ ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU

Điều 5. Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính

1. Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính và các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính, gồm:

a) Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo mẫu thống nhất tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này;

b) Thành phần hồ sơ khác theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 8 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT).

2. Hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với các trường hợp đăng ký biến động đất đai, gồm:

a) Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo mẫu thống nhất tại Phụ lục I, II và III kèm theo Quy định này;

b) Thành phần hồ sơ khác theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT.

Điều 6. Xử lý các sai sót dữ liệu

1. Trường hợp dữ liệu truyền nhận giữa hai ngành có sai sót, cơ quan bên nhận phản hồi bằng thông báo điện tử hoặc văn bản thông báo tới cơ quan truyền dữ liệu để yêu cầu kiểm tra và truyền lại thông tin.

2. Trường hợp nội dung thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai hoặc văn bản đề nghị do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai gửi sang có sai sót dẫn đến Thông báo nghĩa vụ tài chính sai thì Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai gửi thông báo điện tử hoặc văn bản thông báo hoặc Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai thay thế để Cơ quan Thuế ban hành lại Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) theo quy định tại Quy định này (các thông tin về Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị trước đây phải được lưu lại để phục vụ công tác quản lý).

3. Trường hợp sai sót thuộc về Cơ quan Thuế dẫn tới việc xác định nghĩa vụ tài chính và phát hành Thông báo nghĩa vụ tài chính có sai sót, Cơ quan Thuế gửi thông báo điện tử hoặc văn bản thông báo tới Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai về việc có sai sót trong quá trình xác định nghĩa vụ tài chính. Đồng thời, xác định lại nghĩa vụ tài chính, gửi lại Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai theo quy định tại Quy định này (các thông tin về Thông báo thuế, Quyết định miễn, giảm (nếu có) trước đây phải lưu trữ để phục vụ công tác quản lý).

4. Trường hợp người sử dụng đất đã có Thông báo nghĩa vụ tài chính nhưng người sử dụng đất xin rút hồ sơ không thực hiện tiếp thủ tục như: thủ tục chuyển quyền (chuyển nhượng, tặng cho,...), chuyển mục đích sử dụng đất,...hoặc có văn bản ngăn chặn, yêu cầu ngưng giải quyết hồ sơ của cơ quan Thi hành án, Tòa án nhân dân hoặc của tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền thì Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai gửi thông báo cho Cơ quan Thuế biết. Sau khi nhận thông báo dừng thực hiện, Cơ quan Thuế phải có văn bản phản hồi hoặc văn bản hủy Thông báo nghĩa vụ tài chính đã ban hành để Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai hoàn tất thủ tục.

5. Trường hợp phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử xảy ra sự cố do lỗi hệ thống đường truyền, hư hỏng thiết bị thì việc trao đổi thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất giữa Cơ quan Thuế và

Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện theo phương thức trực tiếp (chuyển hồ sơ dạng giấy).

Điều 7. Đối chiếu số liệu giữa các cơ quan có liên quan

1. Trước ngày 05 hàng tháng, Cơ quan Thuế và Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện tổng hợp tình hình hồ sơ đã gửi của tháng trước theo mẫu quy định tại Phụ lục VI được ban hành kèm theo Quy định này và gửi thông tin để thực hiện đối chiếu dữ liệu.

2. Trước ngày 10 hàng tháng, Cơ quan Thuế và Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện đối chiếu với số liệu của tháng trước. Trường hợp sai lệch, hai cơ quan cùng rà soát để xác định nguyên nhân và điều chỉnh.

3. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01, Cơ quan Thuế và Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai tổng hợp tình hình giải quyết hồ sơ của năm trước để đối chiếu và điều chỉnh trong trường hợp có sai lệch số liệu.

Mục 2

QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN HỒ SƠ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI BẰNG HỒ SƠ GIẤY

Điều 8. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính theo giá đất trong bảng giá đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính và các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính thực hiện như sau:

1. Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

a) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tiến hành thẩm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai (thông tin về thửa đất trên bản đồ địa chính chính quy, trên sổ mục kê, trên sổ địa chính, nguồn gốc đất; xác định khu vực, vị trí, phạm vi của thửa đất, khu đất, hạn mức giao đất);

b) Tổ chức đăng ký đất đai cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai;

c) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai kiểm tra thực địa, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

theo bảng giá đất và tham mưu Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích hoặc các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.

2. Chuyển thông tin địa chính

Sau khi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai thực hiện các công việc sau:

- a) Ký duyệt Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo mẫu quy định tại Phụ lục IV được ban hành kèm theo Quy định này;
- b) Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo cho Cơ quan Thuế.

3. Xác định nghĩa vụ tài chính

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính từ Cơ quan có chức năng quản lý đất đai. Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

- a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin địa chính, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế có văn bản đề nghị Cơ quan có chức năng quản lý đất đai điều chỉnh, bổ sung thêm thông tin;
- b) Đính kèm Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) lên Cổng Dịch vụ công tỉnh có kết nối, chia sẻ với Phần mềm Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là PM TNMT) và gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất; Quyết định miễn, giảm (nếu có) bản chính qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả;
- c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

4. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

- a) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thực hiện các công việc sau: Thông báo bằng tin nhắn SMS cho người nộp hồ sơ đối với hồ sơ đạt và không đạt thông qua Cổng thông tin Dịch vụ công tỉnh; Hỗ trợ gọi điện thoại hoặc chuyển Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) qua App Tài nguyên và Môi trường, Zalo (nếu có) cho người nộp hồ sơ được biết; Trả bản chính Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) cho người sử dụng đất (trong trường hợp người sử dụng đất trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để nhận) để thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp hoặc hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nộp thuế theo phương thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia;

b) Người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia hoặc nộp Thông báo nghĩa vụ tài chính bản chính đến cơ quan thu ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp;

c) Trường hợp người sử dụng đất thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp thì cơ quan thu ngân sách nhà nước có trách nhiệm gửi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trong ngày người sử dụng đất nộp tiền vào ngân sách nhà nước đến Cơ quan Thuế.

5. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Căn cứ thông tin thực hiện nghĩa vụ tài chính từ Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc từ cơ quan thu ngân sách nhà nước, Cơ quan Thuế gửi văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo mẫu quy định tại Phụ lục V được ban hành kèm theo Quy định này gửi đến Cơ quan có chức năng quản lý đất đai và đồng bộ lên PM TNMT chậm nhất trong ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Điều 9. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính theo giá đất cụ thể đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính và các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính thực hiện như sau:

1. Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Trên cơ sở hồ sơ tiếp nhận từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai tiến hành thẩm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì thực hiện các công việc sau:

a) Chuyển hồ sơ đến Tổ chức đăng ký đất đai để cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai (thông tin về thửa đất trên bản đồ địa chính chính quy, trên sổ mục kê, trên sổ địa chính, nguồn gốc đất; xác định vị trí, phạm vi của khu đất, hạn mức giao đất); Tổ chức đăng ký đất đai cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai;

b) Kiểm tra thực địa, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ đủ điều kiện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích hoặc các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích;

c) Tổ chức xác định giá đất cụ thể và trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể.

2. Xác định nghĩa vụ tài chính

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể, Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin địa chính, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế có văn bản đề nghị Cơ quan có chức năng quản lý đất đai điều chỉnh, bổ sung thêm thông tin;

b) Đính kèm Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) lên Cổng Dịch vụ công tỉnh có kết nối, chia sẻ với PM TNMT và gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất; Quyết định miễn, giảm (nếu có) bản chính qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả;

c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định này.

4. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy định này.

Điều 10. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính bằng hồ sơ giấy đối với các trường hợp đăng ký biến động đất đai.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính thực hiện như sau:

1. Chuyển thông tin địa chính

Tổ chức đăng ký đất đai tiến hành thẩm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì thực hiện các công việc sau:

a) Ký duyệt Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II và III được ban hành kèm theo Quy định này;

b) Trường hợp thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận đối với hồ sơ tổ chức thì ký duyệt văn bản đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có);

c) Trường hợp tính thu, nộp tiền thuê đất đã được miễn, giảm khi thực hiện chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì ký duyệt văn bản đề nghị xác định số tiền thuê đất đã được miễn, giảm phải nộp (nếu có);

d) Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo cho Cơ quan Thuế.

2. Xác định nghĩa vụ tài chính

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính từ Tổ chức đăng ký đất đai. Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin địa chính, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế có văn bản đề nghị Tổ chức đăng ký đất đai điều chỉnh, bổ sung thêm thông tin;

b) Đính kèm Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) lên Cổng Dịch vụ công tỉnh có kết nối, chia sẻ với PM TNMT và gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) bản chính qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả;

c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

a) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thực hiện các công việc sau: Thông báo bằng tin nhắn SMS cho người nộp hồ sơ đối với hồ sơ đạt và không đạt thông qua Cổng thông tin Dịch vụ công tỉnh; Hỗ trợ gọi điện thoại hoặc chuyển Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) qua App Tài nguyên và Môi trường, Zalo (nếu có) cho người nộp hồ sơ được biết; Trả bản chính Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) cho người sử dụng đất (trong trường hợp người sử dụng đất trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để nhận) để thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp hoặc hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nộp thuế theo phương thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia;

b) Người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia hoặc nộp Thông báo nghĩa vụ tài chính bản chính đến cơ quan thu ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp;

c) Trường hợp người sử dụng đất thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp thì cơ quan thu ngân sách nhà nước có trách nhiệm gửi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trong ngày người sử dụng đất nộp tiền vào ngân sách nhà nước đến Cơ quan Thuế.

4. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Căn cứ thông tin thực hiện nghĩa vụ tài chính từ Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc từ cơ quan thu ngân sách nhà nước, Cơ quan Thuế gửi văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo mẫu quy định tại Phụ lục V được ban

hành kèm theo Quy định này gửi đến Tổ chức đăng ký đất đai và đồng bộ lên PM TNMT chậm nhất trong ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Mục 3

QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN HỒ SƠ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI BẰNG HỒ SƠ ĐIỆN TỬ

Điều 11. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính tính theo giá đất trong bảng giá đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính và các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính thực hiện như sau:

1. Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Chuyển thông tin địa chính điện tử

Sau khi Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích hoặc các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai thực hiện các công việc sau:

a) Ký duyệt Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục IV được ban hành kèm theo Quy định này;

b) Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo bằng hình thức điện tử cho Cơ quan Thuế.

3. Xác định nghĩa vụ tài chính điện tử

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính điện tử từ Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử, văn bản đề nghị điện tử (nếu có) và hồ sơ điện tử kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính điện tử; Quyết định miễn, giảm điện tử (nếu có) và đính kèm Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn,

giảm (nếu có) đã được ký số của Lãnh đạo Cơ quan Thuế lên PM TNMT có kết nối, chia sẻ với Cổng Dịch vụ công tỉnh. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin địa chính điện tử, văn bản đề nghị điện tử và hồ sơ điện tử kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế lập văn bản đề nghị Cơ quan có chức năng quản lý đất đai điều chỉnh, bổ sung hồ sơ thông qua phần mềm Quản lý Trước bạ - Nhà đất được liên kết chia sẻ với PM TNMT;

b) Thông báo bằng tin nhắn SMS cho người nộp hồ sơ thông qua Cổng thông tin Dịch vụ công tỉnh hoặc hỗ trợ gọi điện thoại hoặc chuyển Thông báo nghĩa vụ tài chính qua App Tài nguyên và Môi trường, Zalo (nếu có) cho người nộp hồ sơ biết để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

4. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

a) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả in Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) có chữ ký số của Cơ quan Thuế trên Cổng Dịch vụ công tỉnh cho người sử dụng đất (trong trường hợp người sử dụng đất trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để nhận) để thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp hoặc hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nộp thuế theo phương thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia;

b) Người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia hoặc nộp Thông báo nghĩa vụ tài chính có chữ ký số của Cơ quan Thuế đến cơ quan thu ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp;

c) Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp thì cơ quan thu ngân sách nhà nước có trách nhiệm gửi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trong ngày người sử dụng đất nộp tiền vào ngân sách nhà nước đến Cơ quan Thuế.

5. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy định này.

Điều 13. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính tính theo giá đất cụ thể đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, cho phép sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính và các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích có phát sinh nghĩa vụ tài chính

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính thực hiện như sau:

1. Xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định này.

2. Xác định nghĩa vụ tài chính

Trên cơ sở Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể, Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin địa chính, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế có văn bản đề nghị Cơ quan có chức năng quản lý đất đai điều chỉnh, bổ sung thêm thông tin;

b) Đính kèm Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) lên Cổng Dịch vụ công tỉnh có kết nối, chia sẻ với PM TNMT và gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) bản chính qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả;

c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy định này.

4. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Quy định này.

Điều 13. Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính bằng hồ sơ điện tử đối với các trường hợp đăng ký biến động đất đai

Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính thực hiện như sau:

1. Chuyển thông tin địa chính điện tử

Trên cơ sở hồ sơ tiếp nhận từ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả chuyển đến, Tổ chức đăng ký đất đai tiến hành thẩm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ đủ điều kiện thì thực hiện các công việc sau:

a) Ký duyệt Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II và III được ban hành kèm theo Quy định này;

b) Trường hợp thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận đối với hồ sơ tổ chức thì ký duyệt văn bản điện tử đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có);

c) Trường hợp tính thu, nộp tiền thuê đất đã được miễn, giảm khi thực hiện chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì ký duyệt văn bản điện tử đề nghị xác định số tiền thuê đất đã được miễn, giảm phải nộp (nếu có);

d) Chuyển Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, văn bản đề nghị (nếu có) và hồ sơ kèm theo bằng hình thức điện tử cho Cơ quan Thuế.

2. Xác định nghĩa vụ tài chính điện tử

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính từ Tổ chức đăng ký đất đai. Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử, văn bản đề nghị điện tử (nếu có) và hồ sơ điện tử kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính điện tử; Quyết định miễn, giảm điện tử (nếu có) và đính kèm Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) đã được ký số của Lãnh đạo Cơ quan Thuế lên PM TNMT có kết nối, chia sẻ với Cổng Dịch vụ công tỉnh. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin địa chính điện tử, văn bản đề nghị điện tử và hồ sơ điện tử kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế lập văn bản đề nghị Tổ chức đăng ký đất đai điều chỉnh, bổ sung hồ sơ thông qua phần mềm Quản lý Trước bạ - Nhà đất được liên kết chia sẻ với PM TNMT;

b) Thông báo bằng tin nhắn SMS cho người nộp hồ sơ thông qua Cổng thông tin Dịch vụ công tỉnh hoặc hỗ trợ gọi điện thoại hoặc chuyển Thông báo nghĩa vụ tài chính qua App Tài nguyên và Môi trường, Zalo (nếu có) cho người nộp hồ sơ biết để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

3. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

a) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả in Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định miễn, giảm (nếu có) có chữ ký số của Cơ quan Thuế trên Cổng Dịch vụ công tỉnh cho người sử dụng đất (trong trường hợp người sử dụng đất trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả để nhận) để thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp hoặc hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện nộp thuế theo phương thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia;

b) Người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng thông tin Dịch vụ công Quốc gia hoặc nộp Thông báo nghĩa vụ tài chính có chữ ký số của Cơ quan Thuế đến cơ quan thu ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp;

c) Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp thì cơ quan thu ngân sách nhà nước có trách nhiệm gửi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trong ngày người sử dụng đất nộp tiền vào ngân sách nhà nước đến Cơ quan Thuế.

5. Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy định này.

Mục 4

QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN HỒ SƠ ỔN ĐỊNH TIỀN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN THUÊ HÀNG NĂM

Điều 14. Quy trình luân chuyển hồ sơ ổn định tiền thuê đất trả tiền thuê hằng năm dạng giấy

1. Rà soát, xác định điều chỉnh lại tiền thuê đất

Sau thời kỳ ổn định tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Đất đai, Cơ quan Thuế ký duyệt văn bản đề nghị Cơ quan có chức năng quản lý đất đai phối hợp thực hiện việc xác định thông tin địa chính làm cơ sở xác định đơn giá thuê đất cho thời kỳ ổn định tiếp theo và hồ sơ kèm theo chuyển cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai.

2. Chuyển thông tin địa chính

Trên cơ sở đề nghị từ Cơ quan Thuế, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai giao nhiệm vụ hoặc đề nghị Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp thông tin địa chính (vị trí, đoạn đường, khu vực...) có sự thay đổi: Ký duyệt Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II và III được ban hành kèm theo Quy định này và hồ sơ kèm theo chuyển cho Cơ quan Thuế;

b) Trường hợp không có sự thay đổi thông tin địa chính (vị trí, đoạn đường, khu vực...): ký duyệt văn bản xác định không có sự thay đổi thông tin địa chính gửi đến Cơ quan Thuế.

3. Xác định nghĩa vụ tài chính

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xác định thông tin địa chính Tổ chức đăng ký đất đai, Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai hoặc văn bản xác định không có sự thay đổi thông tin địa chính và hồ sơ kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin địa chính, văn bản xác định không có sự thay đổi thông tin địa chính và hồ sơ kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế có văn bản đề nghị Tổ chức đăng ký đất đai điều chỉnh, bổ sung thêm thông tin;

b) Gửi bản chính Thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Tổ chức đăng ký đất đai;

c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

4. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

a) Người sử dụng đất nộp bản chính Thông báo nghĩa vụ tài chính đến cơ quan thu ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp;

b) Cơ quan thu ngân sách nhà nước có trách nhiệm gửi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đến Cơ quan Thuế để theo dõi.

Điều 16. Quy trình luân chuyển hồ sơ ổn định tiền thuê đất trả tiền thuê hằng năm bằng hình thức điện tử

1. Rà soát, xác định điều chỉnh lại tiền thuê đất

Sau thời kỳ ổn định tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Đất đai, Cơ quan Thuế ký duyệt văn bản điện tử đề nghị Cơ quan có chức năng quản lý đất đai phối hợp thực hiện việc xác định thông tin địa chính làm cơ sở xác định đơn giá thuê đất cho thời kỳ ổn định tiếp theo và hồ sơ điện tử kèm theo chuyển cho Cơ quan có chức năng quản lý đất đai.

2. Chuyển thông tin địa chính điện tử

Trên cơ sở đề nghị từ Cơ quan Thuế, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai giao nhiệm vụ hoặc đề nghị Tổ chức đăng ký đất đai thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp thông tin địa chính (vị trí, đoạn đường, khu vực...) có sự thay đổi: Ký duyệt Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục I, II và III được ban hành kèm theo Quy định này và hồ sơ điện tử kèm theo chuyển cho Cơ quan Thuế;

b) Trường hợp không có sự thay đổi thông tin địa chính (vị trí, đoạn đường, khu vực): Ký duyệt văn bản điện tử xác định thông tin địa chính không có sự thay đổi gửi đến Cơ quan Thuế.

3. Xác định nghĩa vụ tài chính điện tử

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xác định thông tin địa chính Tổ chức đăng ký đất đai, Cơ quan Thuế thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thông tin trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử hoặc văn bản điện tử xác định thông tin địa chính không có sự thay đổi và hồ sơ điện tử kèm theo, ký duyệt Thông báo nghĩa vụ tài chính điện tử. Trường hợp trên Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai điện tử hoặc văn bản điện tử xác định thông tin địa chính không có sự thay đổi và hồ sơ kèm theo thiếu thông tin hoặc chưa đủ cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan Thuế có văn bản đề nghị Tổ chức đăng ký đất đai điều chỉnh, bổ sung thêm thông tin;

b) Gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính đã được ký số của Lãnh đạo Cơ quan Thuế cho người sử dụng đất;

c) Công khai thông tin về việc tiếp nhận và thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính lên trang thông tin Cơ quan Thuế và các hệ thống liên quan (nếu có).

4. Thực hiện nghĩa vụ tài chính

a) Người sử dụng đất nộp Thông báo nghĩa vụ tài chính đã được ký số của Lãnh đạo Cơ quan Thuế đến cơ quan thu ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp;

b) Cơ quan thu ngân sách nhà nước có trách nhiệm gửi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đến Cơ quan Thuế để theo dõi.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ; CƠ QUAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; CƠ QUAN PHỐI HỢP VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 16. Trách nhiệm của Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này và các quy định khác có liên quan về cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Điều 17. Trách nhiệm của Cơ quan giải quyết thủ tục đất đai

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai có trách nhiệm:

a) Kiểm tra hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích hoặc các trường hợp điều chỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, Quyết định gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích;

b) Xác định giá đất theo quy định và chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai cho Cơ quan Thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục IV được ban hành kèm theo Quy định này;

c) Triển khai thực hiện Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

2. Tổ chức đăng ký đất đai có trách nhiệm:

a) Phối hợp, cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai theo quy định;

b) Xác định thông tin địa chính làm cơ sở xác định đơn giá thuê đất cho thời kỳ ổn định tiền thuê đất trả tiền thuê hằng năm;

c) Triển khai thực hiện Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

3. Cơ quan Thuế có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có chức năng quản lý đất đai trong việc xác định khu vực, vị trí, phạm vi và giá trị của thửa đất hoặc khu đất theo Bảng giá đất hiện hành theo quy định;

b) Trả lời bằng văn bản đối với các trường hợp xác định nghĩa vụ tài chính khác không quy định tại quy định này trong thời hạn 05 ngày làm việc khi nhận được Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai hoặc văn bản đề nghị của Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai;

c) Chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thuế trong việc kết nối, chia sẻ thông tin nghĩa vụ tài chính giữa phần mềm Quản lý trước bạ - Nhà đất với PM TNMT;

d) Triển khai thực hiện Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 18. Trách nhiệm Cơ quan phối hợp

1. Cơ quan Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có chức năng quản lý đất đai theo chức năng, nhiệm vụ trong việc xác định khu vực, vị trí, phạm vi và giá trị của thửa đất hoặc khu đất theo Bảng giá đất hiện hành;

b) Phối hợp triển khai thực hiện Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

2. Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng (được uỷ nhiệm thu) trên địa bàn tỉnh Bình Phước có trách nhiệm:

a) Thu đầy đủ tiền thanh toán nghĩa vụ tài chính và tiền nộp chậm (nếu có) của người sử dụng đất theo Thông báo nghĩa vụ tài chính của Cơ quan Thuế đã ban hành;

b) Gửi thông tin về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất Cơ quan Thuế theo quy định tại Quy định này.

Điều 19. Trách nhiệm của người sử dụng đất

1. Kê khai đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn của Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ.

3. Thực hiện nộp đầy đủ, đúng thời hạn các khoản nghĩa vụ tài chính theo Thông báo của Cơ quan thuế và phải nộp tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (trừ trường hợp ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật).

4. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong giải quyết thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan quy định tại Điều 2 Quy định này khi có văn bản yêu cầu.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai của người sử dụng đất do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai đã tiếp nhận và chuyển cho Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan Tài chính để xác định nghĩa vụ tài chính trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 thì tiếp tục thực hiện việc luân chuyển hồ sơ và trách nhiệm của các cơ quan thực hiện theo các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã ban hành trước đây.

2. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai của người sử dụng đất đã có Quyết định giao đất, cho thuê đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 nhưng chưa được Cơ quan có chức năng quản lý đất đai, Tổ chức đăng ký đất đai chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính cho Cơ quan Thuế, Cơ quan Tài chính thì việc luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai được thực hiện theo Quy định này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN)

Số:/PCTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI			
1.1. Mã hồ sơ ⁽²⁾ :			
1.2. Ngày nhận hồ sơ ⁽³⁾ :			
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT			
2.1. Tên ⁽⁴⁾ :			
2.2. Địa chỉ ⁽⁵⁾ :			
2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....			
2.4. Mã số thuế (nếu có):.....			
2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân ⁽⁶⁾ :			
Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... ..			
2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính ⁽⁷⁾ :.....			
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT			
3.1. Thông tin về đất			
3.1.1. Thửa đất số:.....; Tờ bản đồ số:			
3.1.2. Địa chỉ tại ⁽⁸⁾ :			
3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Căn cứ theo Quyết định ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện hành tại thời điểm lập phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (Đối với trường hợp thay thế Bảng giá đất mới thì thể hiện phù hợp thông tin theo Bảng giá đất mới và thể hiện phù hợp theo Phụ lục này). Ví dụ: Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024. Cụ thể như sau:			
- Đường/đoạn đường/khu vực: Khu vực 1			
- Vị trí đất:			
Loại đất	Vị trí đất	Diện tích (m²)	Ghi chú
Tên loại đất nông nghiệp	(Vị trí 1, 2, 3, 4 hoặc Không phân vị trí)	0,0	(Ghi chú nội dung đối với trường hợp đặc biệt tại khoản 4 Điều 10 Quyết định số

			18/2020/QĐ-UBND)
--	--	--	------------------

*** Đất nông nghiệp được xác định theo Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:**

- Trường hợp thửa đất thuộc vị trí mặt tiền đường theo Phụ lục 1:

Loại đất	Vị trí đất (30% giá đất ở)	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Tên loại đất nông nghiệp	Vị trí mặt tiền đường	...	Phạm vi 1	0,0	Thửa đất tiếp giáp hai mặt tiền đường trở lên (Thuộc đường ... và đường ... (Theo quy định tại Phụ lục 01 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND)).
			Phạm vi 2	0,0	
			Phạm vi 3	0,0	
			Phạm vi 4	0,0	
			Phạm vi 5	0,0	

- Trường hợp thửa đất thuộc vị trí tiếp giáp ngõ/hẻm:

Loại đất	Vị trí đất (30% giá đất ở)	Tên đường (Đoạn đường)	Loại hẻm		Chiều dài hẻm	Kết cấu hẻm	Diện tích (m ²)
			Loại hẻm	Độ rộng hẻm			
Tên loại đất nông nghiệp	Vị trí tiếp giáp hẻm/ngõ	...	...	...	...	...	0,0

- Trường hợp thửa đất thuộc vị trí còn lại:

Loại đất	Vị trí đất (30% giá đất ở)	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m ²)
Tên loại đất nông nghiệp	Vị trí còn lại	...	Trong phạm vi 25m	0,0
			Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	0,0
			Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	0,0
			Phạm vi > 100m	0,0

***Lưu ý:**

(1) Đối với đất thuộc Khu vực 2 thể hiện tương tự khu vực 1 (theo quy định tại Điều 6 và Điều 9 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND).

(2) Đối với đất khu vực giáp ranh giữa tỉnh Bình Phước và các tỉnh lân cận được xác định tại Điều 12 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND thì bổ sung thêm nội dung thông tin địa chính theo quy định Bảng giá đất của tỉnh lân cận để Cơ quan Thuế so sánh giá.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.....m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất:.....m²

- Diện tích sử dụng chung:m² - Diện tích sử dụng riêng:m² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m² - Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²
3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:.....
3.1.6. Mục đích sử dụng đất ⁽¹⁰⁾ :.....
3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:
- Ổn định lâu dài ☐
- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....
- Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....
3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;
3.1.9. Giá đất ⁽¹¹⁾ :.....
3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất ⁽¹²⁾ :.....
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất
3.2.1. Loại nhà ở, công trình:.....; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;
3.2.2. Diện tích xây dựng:.....m ² ;
3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng :.....m ² ;
3.2.4. Diện tích sở hữu chung:.....m ² ; Diện tích sở hữu riêng:.....m ² ;
3.2.5. Số tầng:.....tầng; trong đó, số tầng nổi:.....tầng, số tầng hầm:.....tầng;
3.2.6. Nguồn gốc:.....
3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:.....
- Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP ⁽¹³⁾
.....
.....
.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục II**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN)

Số:/PCTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI					
1.1. Mã hồ sơ ⁽²⁾ :					
1.2. Ngày nhận hồ sơ ⁽³⁾ :					
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT					
2.1. Tên ⁽⁴⁾ :					
2.2. Địa chỉ ⁽⁵⁾					
2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....					
2.4. Mã số thuế (nếu có):.....					
2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân ⁽⁶⁾ :					
Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... ..					
2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính ⁽⁷⁾ :.....					
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT					
3.1. Thông tin về đất					
3.1.1. Thửa đất số:.....; Tờ bản đồ số:					
3.1.2. Địa chỉ tại ⁽⁸⁾ :					
3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Căn cứ theo Quyết định ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện hành tại thời điểm lập phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (Đối với trường hợp thay thế Bảng giá đất mới thì thể hiện phù hợp thông tin theo Bảng giá đất mới và thể hiện phù hợp theo Phụ lục này). Ví dụ: <i>Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024. Cụ thể như sau:</i>					
- Đường/đoạn đường/khu vực: <i>Khu vực 1</i>					
- Vị trí đất:					
* Đối với trường hợp vị trí mặt tiền đường theo Phụ lục 1:					
Loại đất	Vị trí đất	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m²)	Ghi chú

Tên loại đất phi nông nghiệp	Vị trí mặt tiền đường	...	Phạm vi 1	0,0	Thửa đất tiếp giáp hai mặt tiền đường trở lên (Thuộc đường ... và đường ... (Theo quy định tại Phụ lục 01 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND)).
			Phạm vi 2	0,0	
			Phạm vi 3	0,0	
			Phạm vi 4	0,0	
			Phạm vi 5	0,0	

*** Đối với trường hợp tiếp giáp hẻm/ngõ:**

Loại đất	Vị trí đất	Tên đường (Đoạn đường)	Loại hẻm		Chiều dài hẻm	Kết cấu hẻm	Diện tích (m ²)
			Loại hẻm	Độ rộng hẻm			
Tên loại đất phi nông nghiệp	Vị trí tiếp giáp hẻm/ngõ	...	...	...	...	...	0,0

*** Đối với trường hợp vị trí còn lại (Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông):**

Loại đất	Vị trí đất	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m ²)
Tên loại đất phi nông nghiệp	Vị trí còn lại	...	Trong phạm vi 25m	0,0
			Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	0,0
			Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	0,0
			Phạm vi > 100m	0,0

*** Lưu ý:**

(1) Đối với đất thuộc Khu vực 2 thể hiện tương tự khu vực 1 (theo quy định tại Điều 6 và Điều 9 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND).

(2) Đối với đất khu vực giáp ranh giữa tỉnh Bình Phước và các tỉnh lân cận được xác định tại Điều 12 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND thì bổ sung thêm nội dung thông tin địa chính theo quy định Bảng giá đất của tỉnh lân cận để Cơ quan Thuế so sánh giá.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.....m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất:.....m²

- Diện tích sử dụng chung:m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m ² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất ⁽¹⁰⁾ :..... 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: - Ổn định lâu dài ☐ - Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../..... - Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../..... 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Giá đất ⁽¹¹⁾ :..... 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất ⁽¹²⁾ :.....
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:.....; cấp hạng nhà ở, công trình:.....; 3.2.2. Diện tích xây dựng:.....m ² ; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng :.....m ² ; 3.2.4. Diện tích sở hữu chung:.....m ² ; Diện tích sở hữu riêng:.....m ² ; 3.2.5. Số tầng:.....tầng; trong đó, số tầng nổi:.....tầng, số tầng hầm:.....tầng; 3.2.6. Nguồn gốc:..... 3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP ⁽¹³⁾

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục III

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH ĐA MỤC ĐÍCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN)

Số:/PCTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày..... tháng năm

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
Kính gửi:

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ ⁽²⁾ : 1.2. Ngày nhận hồ sơ ⁽³⁾ :					
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 2.1. Tên ⁽⁴⁾ : 2.2. Địa chỉ ⁽⁵⁾ 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân ⁽⁶⁾ : Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính ⁽⁷⁾ :.....					
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất 3.1.1. Thửa đất số:.....; Tờ bản đồ số:; 3.1.2. Địa chỉ tại ⁽⁸⁾ :; 3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Căn cứ theo Quyết định ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện hành tại thời điểm lập phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (Đối với trường hợp thay thế Bảng giá đất mới thì thể hiện phù hợp thông tin theo Bảng giá đất mới và thể hiện phù hợp theo Phụ lục này). Ví dụ: <i>Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước Ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024. Cụ thể như sau:</i> a) Đất phi nông nghiệp: - Đường/đoạn đường/khu vực: <i>Khu vực 1</i> - Vị trí thửa đất ⁽⁹⁾ : * Đối với trường hợp vị trí mặt tiền đường theo Phụ lục 1:					
Loại đất	Vị trí đất	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m²)	Ghi chú

Tên loại đất phi nông nghiệp	Vị trí mặt tiền đường	...	Phạm vi 1	0,0	Thửa đất tiếp giáp hai mặt tiền đường trở lên (Thuộc đường ... và đường ... (Theo quy định tại Phụ lục 01 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND)).
			Phạm vi 2	0,0	
			Phạm vi 3	0,0	
			Phạm vi 4	0,0	
			Phạm vi 5	0,0	

*** Đối với trường hợp tiếp giáp hẻm/ngõ:**

Loại đất	Vị trí đất	Tên đường (Đoạn đường)	Loại hẻm		Chiều dài hẻm	Kết cấu hẻm	Diện tích (m ²)
			Loại hẻm	Độ rộng hẻm			
Tên loại đất phi nông nghiệp	Vị trí tiếp giáp hẻm/ngõ	...	...	...	...	...	0,0

*** Đối với trường hợp vị trí còn lại (Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông):**

Loại đất	Vị trí đất	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m ²)
Tên loại đất phi nông nghiệp	Vị trí còn lại	...	Trong phạm vi 25m	0,0
			Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	0,0
			Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	0,0
			Phạm vi > 100m	0,0

b) Đất nông nghiệp:

- Đường/đoạn đường/khu vực: **Khu vực 1**

- Vị trí thửa đất ⁽⁹⁾:

Loại đất	Vị trí đất	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Tên loại đất nông nghiệp	(Vị trí 1, 2, 3, 4 hoặc Không phân vị trí)	0,0	(Ghi chú nội dung đối với trường hợp đặc biệt tại khoản 4 Điều 10 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND)

*** Đất nông nghiệp được xác định theo Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:**

- Trường hợp thửa đất thuộc vị trí mặt tiền đường theo Phụ lục 1:

Loại đất	Vị trí đất (30% giá đất ở)	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Tên loại đất nông nghiệp	Vị trí mặt tiền đường	...	Phạm vi 1	0,0	Thửa đất tiếp giáp hai mặt tiền đường trở lên (Thuộc đường ... và đường ... (Theo quy định tại Phụ lục 01 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND)).
			Phạm vi 2	0,0	
			Phạm vi 3	0,0	
			Phạm vi 4	0,0	
			Phạm vi 5	0,0	

- Trường hợp thửa đất thuộc vị trí tiếp giáp ngõ/hẻm:

Loại đất	Vị trí đất (30% giá đất ở)	Tên đường (Đoạn đường)	Loại hẻm		Chiều dài hẻm	Kết cấu hẻm	Diện tích (m ²)
			Loại hẻm	Độ rộng hẻm			
Tên loại đất nông nghiệp	Vị trí tiếp giáp hẻm/ngõ	...	...	...	...	...	0,0

- Trường hợp thửa đất thuộc vị trí còn lại:

Loại đất	Vị trí đất (30% giá đất ở)	Tên đường (Đoạn đường)	Phạm vi	Diện tích (m ²)
Tên loại đất nông nghiệp	Vị trí còn lại	...	Trong phạm vi 25m	0,0
			Trong phạm vi từ trên 25m đến mét thứ 50	0,0
			Trong phạm vi từ trên 50m đến mét thứ 100	0,0
			Phạm vi > 100m	0,0

***Lưu ý:**

(1) Đối với đất thuộc Khu vực 2 thể hiện tương tự khu vực 1 (theo quy định tại Điều 6 và Điều 9 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND).

(2) Đối với đất khu vực giáp ranh giữa tỉnh Bình Phước và các tỉnh lân cận được xác định tại Điều 12 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND thì bổ sung thêm nội dung thông tin địa chính theo quy định Bảng giá đất của tỉnh lân cận để Cơ quan Thuế so sánh giá

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.....m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất:.....m²

- Diện tích sử dụng chung:m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m ² 3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất ⁽¹⁰⁾ :..... 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: - Ổn định lâu dài ☐ - Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../..... - Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../..... 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Giá đất ⁽¹¹⁾ :..... 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất ⁽¹²⁾ :.....
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất 3.2.1. Loại nhà ở, công trình:.....; cấp hạng nhà ở, công trình:.....; 3.2.2. Diện tích xây dựng:.....m ² ; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng :.....m ² ; 3.2.4. Diện tích sở hữu chung:.....m ² ; Diện tích sở hữu riêng:.....m ² ; 3.2.5. Số tầng:.....tầng; trong đó, số tầng nổi:.....tầng, số tầng hầm:.....tầng; 3.2.6. Nguồn gốc:..... 3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP ⁽¹³⁾

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục IV**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CƠ QUAN CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(TÊN CƠ QUAN THỰC HIỆN) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../PCTT

....., ngày ... tháng ... năm

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỊA CHÍNH THỬA ĐẤT

Kính gửi:⁽¹⁾

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1. Mã hồ sơ ⁽²⁾:
2. Ngày nhận hồ sơ ⁽³⁾:

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tên:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại liên hệ.....Email (nếu có):
4. Mã số thuế (nếu có):
5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:.....số.....ngày cấp:/...../.....nơi cấp.....
6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính:

III. THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT

(*Tương tự nội dung ghi trong Quyết định giao đất/cho thuê đất/chuyển mục đích sử dụng đất/gia hạn sử dụng đất/điều chỉnh quyết định....*)

1. Thửa đất số.....tờ bản đồ số.....
2. Địa chỉ tại:
3. Vị trí đất (xác định theo Bảng giá đất):
4. Diện tích đất:

Trong đó,

- Diện tích trong hạn mức (nếu có):
- Diện tích ngoài hạn mức (nếu có):
- 5. Mục đích sử dụng đất:
- 6. Thời hạn sử dụng đất:
- Ôn định lâu dài.
- Có thời hạn.....năm, từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
- Gia hạn.....năm, từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
- 7. Thời điểm bắt đầu sử dụng: từ ngày...../...../.....
- 8. Hình thức sử dụng đất:
- 9. Giá đất (Tùy theo từng trường hợp theo quy định của Luật Đất đai):
- Giá đất theo bảng giá:
- Giá đất cụ thể:

- Giá trúng đấu giá:

10. Những giấy tờ kèm theo (nếu có)

IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC

1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất *(không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm)*:

- Diện tích đất:.....m²

- Giá đất tính tiền thuê đất:.....

2. Đối với thuê đất có mặt nước:

- Diện tích đất:m²

- Diện tích mặt nước:m²

- Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất:

CƠ QUAN CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

⁽¹⁾ Tên Cơ quan Thuế có thẩm quyền

Phụ lục V

THÔNG BÁO XÁC NHẬN HOÀN THÀNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN
HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-...

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**Về việc <xác nhận/không xác nhận> việc thực hiện nghĩa vụ
thuế với ngân sách nhà nước**

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước số ngày .../.../..... của <tên người nộp thuế>, <mã số thuế> gửi Cơ quan Thuế ngày .../.../.....;

Căn cứ thông tin người nộp thuế đề nghị và thông tin quản lý thuế trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế của Cơ quan Thuế tính đến ngày/...../....., Cơ quan Thuế thông báo như sau:

<Trường hợp xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, thì ghi:>

1. Thời gian thực hiện nghĩa vụ thuế (năm dương lịch): <Ghi cụ thể thời gian cụ thể theo kỳ tính thuế>

- ## 2. Thông tin thực hiện nghĩa vụ thuế:

[illegible]

TỔNG CỘNG: (Chi tiết theo từng loại tiền)					
---	--	--	--	--	--

3. Thông tin vi phạm hành chính thuế của người nộp thuế (nếu có):

<Trường hợp xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước, thì ghi:>

1. Thời gian nộp tiền vào ngân sách nhà nước (trong năm dương lịch): Từ ngày .../.../.... đến ngày .../.../....:

2. Thông tin số thuế đã nộp ngân sách nhà nước:

a) Theo loại thuế:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Tên loại thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Cơ quan thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
TỔNG CỘNG: (Chi tiết theo từng loại tiền)									

b) Theo chứng từ nộp thuế:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Mã ID khoản phải nộp (nếu có)	Nội dung nộp NSNN	Chương	Tiểu mục	Số tiền	Loại tiền	Cơ quan thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG CỘNG: (Chi tiết theo từng loại tiền)												

<Trường hợp không xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế/số thuế đã nộp NSNN theo đề nghị của người nộp thuế, thì ghi:>

Cơ quan Thuế không xác nhận <việc thực hiện nghĩa vụ thuế/số thuế đã nộp NSNN> theo đề nghị của người nộp thuế.

Lý do:.....

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với <Tên Cơ quan Thuế, bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ, địa chỉ Cơ quan Thuế> để được hỗ trợ.

<Tên Cơ quan Thuế> thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:

- <Tên NNT, địa chỉ của NNT>;
- <Tên CQT có liên quan>;
- <Tên các bộ phận có liên quan>;
- Lưu: VT, Bộ phận ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

(1): Thủ trưởng Cơ quan Thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Phụ lục VI
MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ HỒ SƠ LIÊN THÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
VỀ VIỆC THỐNG KÊ HỒ SƠ LIÊN THÔNG THUẾ

STT	HUYỆN	Ngày...tháng....năm...								Lũy kế đến ngày...tháng...năm...							
		Văn phòng/chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai				Chi cục thuế				Văn phòng/chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai				Chi cục thuế			
		Số hồ sơ đã gửi	Số hồ sơ bị từ chối	Số hồ sơ đã nhận TBT	Số hồ sơ hoàn thành NVTC	Số hồ sơ đã gửi	Số hồ sơ bị từ chối	Số hồ sơ đã nhận TBT	Số hồ sơ hoàn thành NVTC	Số hồ sơ đã gửi	Số hồ sơ bị từ chối	Số hồ sơ đã nhận TBT	Số hồ sơ hoàn thành NVTC	Số hồ sơ đã gửi	Số hồ sơ bị từ chối	Số hồ sơ đã nhận TBT	Số hồ sơ hoàn thành NVTC
1	Huyện A																
2	Huyện B																

BẢNG KÊ CHI TIẾT

Bảng 1: Danh sách đồng sử dụng, đồng sở hữu

STT	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ	Mã số thuế (Nếu có)	Số CMTND	Ngày cấp	Nơi cấp

Bảng 2: Bảng kê ghi nợ nghĩa vụ tài chính

STT	Tên người sử dụng đất	Ghi nợ Tiền sử dụng đất			Ghi nợ Lệ phí trước bạ		
		Thời điểm ghi nợ	Số tiền ghi nợ	Nội dung ghi nợ	Thời điểm ghi nợ	Số tiền ghi nợ	Nội dung ghi nợ

Bảng 3: Bảng kê thông tin về đất

(Sử dụng trong trường hợp thửa đất xin cấp giấy chứng nhận được quy định tại nhiều văn bản, thửa đất có nhiều Mục đích sử dụng)

STT	Căn cứ pháp lý	Mục đích sử dụng	Đường	Đoạn đường	Vị trí	Diện tích	Độ sâu thửa đất

Bảng 4: Bảng kê thông tin tài sản gắn liền với đất

STT	Loại nhà, công trình	Cấp nhà, công trình	Kết cấu	Số tầng		Diện tích			Năm hoàn công
				Tầng nổi	Tầng hầm	Sử dụng	Xây dựng	Sàn xây dựng	

Bảng 5: Bảng kê thông tin biến động

(Sử dụng trong trường hợp mua bán, cho tặng, thừa kế... quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất)

STT	Tên người/ tổ chức chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Diện tích (m ²)	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Cơ quan chứng thực